

NHỮNG CHIỀU CẠNH CƠ BẢN CỦA PHÁT TRIỂN THANH NIÊN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ĐẶNG NGUYỄN ANH*

1. Giới thiệu

Thanh niên luôn là tương lai của dân tộc, niềm tự hào và hạnh phúc của mỗi gia đình. Quá trình trưởng thành và phát triển của thế hệ trẻ là vấn đề được mọi quốc gia quan tâm. Trong giai đoạn phát triển mới, với những biến đổi lớn về kinh tế - xã hội hiện nay ở Việt Nam, mối quan tâm này càng trở nên sâu sắc. Thế hệ trẻ Việt Nam mang trong mình một tiềm năng rất lớn để có thể phát huy những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong hơn 20 năm đất nước Đổi mới, đưa đất nước lên một tầm cao mới. Tuy nhiên, trước những biến đổi kinh tế - xã hội diễn ra nhanh chóng ở Việt Nam, vấn đề mà thanh niên đối mặt ngày càng trở nên gay gắt. Do thời gian đi học dài hơn, kết hôn muộn hơn, trưởng thành nhanh hơn và ước vọng cũng nhiều hơn, thanh niên phải đương đầu với các vấn đề gay gắt hơn của cuộc sống, trong gia đình và ngoài xã hội. Một trong những đặc điểm cần lưu ý là thế hệ thanh niên hôm nay đều sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, không biết nhiều về quá khứ, cũng như ít quan tâm đến những cuộc chiến mà dân tộc đã trải qua. Những biến đổi trong thiết chế hôn nhân gia đình, trong quan hệ giữa cha mẹ, con cái và giữa các thế hệ đang tác động mạnh đến hệ quy chiếu của thanh niên, ở nông thôn cũng như đô thị. Sự biến đổi các giá trị truyền thống và đời sống vật chất trong xã hội đã không khỏi không ảnh hưởng tới định hướng và hoạt động sống của thanh niên hôm nay. Ngày càng có nhiều thanh niên tiếp cận được với thế giới bên ngoài thông qua các kênh truyền thông mới và công nghệ thông tin như truyền hình cáp, internet, điện thoại di động, v.v... Thực tế này đã ảnh hưởng đến nhận thức của thanh niên, làm tăng kỳ vọng và thêm nhiều ước muốn trong cuộc sống. Vì vậy một số hiện tượng tiêu cực trong lối sống thanh niên được đăng tải và phản ánh trên báo chí

* PGS.TS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

cần được xem xét và lý giải từ chiều cạnh xã hội học, gắn với những biến đổi kinh tế - xã hội đang chi phối và ảnh hưởng mạnh mẽ đến suy nghĩ, nhận thức, lối sống và hành vi của thanh niên hôm nay.

Theo quy định của Liên hợp quốc (LHQ) thanh niên là những đối tượng thuộc độ tuổi 15-24 (trong khi 10-19 được xác định là tuổi vị thành niên). Mặc dù sự phân biệt rạch ròi giữa thanh niên và vị thành niên là hoàn toàn không thể, khái niệm thanh niên trình bày trong tham luận này được dựa trên tiêu chí tuổi. Đây là thời kỳ chuyển đổi quan trọng của sự phát triển nhân cách đồng thời trở thành người trưởng thành. Các em từ trường học và gia đình bước ra ngoài xã hội với những thay đổi lớn về tâm sinh lý, về hệ giá trị và hành vi (Saroj, 1998; Wyn & White, 1996).

2. Những chiều cạnh cơ bản của phát triển thanh niên

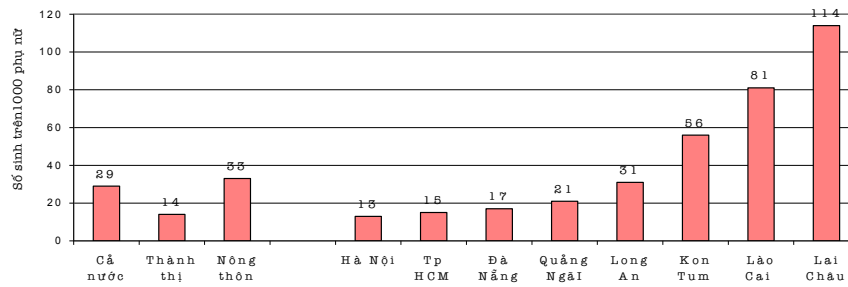
2.1 Đặc điểm và xu hướng nhân khẩu

Sự gia tăng nhanh chóng về quy mô dân số đã khiến cho giới trẻ có những đặc trưng đa dạng hơn, phức tạp hơn về nhân khẩu - xã hội. Hiện nay 25% thanh niên trong độ tuổi 15-24 đang sống, lao động và học tập tại khu vực đô thị. Con số này tiếp tục gia tăng cùng với các làn sóng di cư lao động từ nông thôn ra thành phố. Với tốc độ đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế nhanh ở các khu công nghiệp, thanh niên sẽ tiếp tục rời bỏ làng quê ra thành phố kiếm sống tìm việc làm, tạo thu nhập. Khu vực dịch vụ và sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục thu hút những dòng lao động trẻ đến từ các miền quê thuần nông, nghèo đói và thiếu cơ hội phát triển.

Từ góc độ nhân khẩu, có thể thấy tuy mức sinh đã giảm mạnh trong những năm qua, song dân số Việt Nam hiện vẫn có một cơ cấu tương đối trẻ với trên một nửa (53%) ở tuổi dưới 25, thực sự là nhóm xã hội quyết định cho sự phát triển. Bản chất trẻ của dân số Việt Nam được thể hiện qua sự duy trì tỷ trọng dân số trẻ trong tổng dân số trong hơn hai thập kỷ qua. Nếu như năm 1979, tỷ trọng dân số thanh niên (15-24 tuổi) tính trên tổng dân số là 20,7% thì năm 1999 không giảm nhiều, là 19,9%, và hiện nay tỷ trọng này tương ứng là 19% dân số năm 2005, song với số lượng lớn hơn nhiều so với trước.

Phân bố dân số thanh niên giữa thành thị và nông thôn khá đồng đều giữa hai giới. Theo số liệu quốc gia thu được qua Tổng Điều tra Dân số 1999, nữ thanh niên chiếm tỷ trọng 50-51% ở cả hai khu vực. Tuy nhiên, con số này chưa phản ánh được hết tác động của di cư, đặc biệt của nữ thanh niên ra thành thị. Gần 75% dân số thanh niên sống tại nông thôn và tỷ lệ này đang giảm sút thông qua di cư. Đáng lưu ý là đồng bằng sông Cửu Long có quy mô và cơ cấu dân số thanh niên cao nhất nước. Trong những năm gần đây, một số lượng không nhỏ nữ thanh niên đã rời đồng bằng sông Cửu Long xuất cảnh theo đường kết hôn với người nước ngoài. Tác động kinh tế - xã hội của luồng di cư quốc tế này chưa được đánh giá song chắc chắn sẽ chi phối đến cơ cấu dân cư của khu vực này.

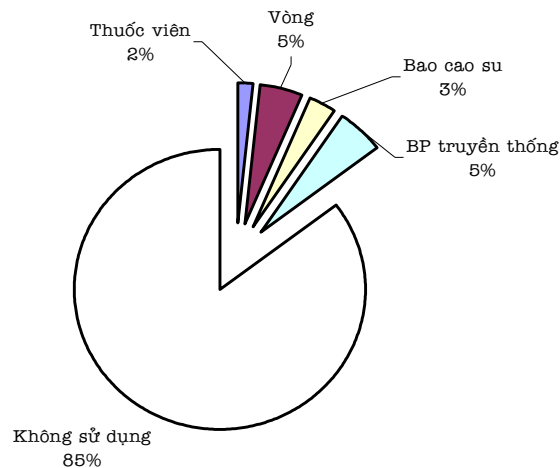
Biểu 1. Tỷ suất sinh của nữ 15-19 tuổi, Việt Nam: 1999



Ở nước ta tuổi kết hôn được pháp luật quy định là 18 đối với nữ và 20 tuổi đối với nam. Trên thực tế tuổi kết hôn trung bình lần đầu cao hơn đáng kể (hiện nay là 25,5 đối với nam và 24 đối với nữ). Theo số liệu Tổng Điều tra 1999, chỉ có 1,9% phụ nữ dưới 18 tuổi đã kết hôn. Tỷ lệ kết hôn của dân số trong nhóm tuổi 20-24 là 32% đối với nam và 54% đối với nữ. Đối với nhóm trẻ hơn (15-19 tuổi), do những quy định của pháp luật, tỷ lệ kết hôn thấp hơn nhiều, chỉ chiếm 2% nam và 9% nữ dân số trong nhóm tuổi này.

Điều đáng quan tâm từ góc độ nhân khẩu học là tình trạng sinh đẻ trong dân số thanh niên. So với khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ suất sinh của dân số thanh niên thấp nhất, thấp hơn cả Indônêxia và Phillipin, chủ yếu do kết hôn muộn, và hầu hết việc sinh đẻ diễn ra trong hôn nhân. Số thanh niên sinh đẻ trước tuổi 20 không nhiều. Do ảnh hưởng của xu hướng giảm sinh nói chung, tỷ suất sinh đặc trưng của thanh niên đã kết hôn giảm từ 197 phần nghìn xuống 158 phần nghìn trong thập niên 90. Tỷ suất sinh này thấp hơn nhiều so với tỷ suất sinh của thanh niên các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, do quá trình đô thị hoá nhanh và những khác biệt kinh tế-xã hội giữa các tỉnh thành, tỷ suất sinh của dân số thanh niên vẫn có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, gia tăng từ các thành phố lớn đến các tỉnh có mức sống thấp và kinh tế chậm phát triển (Biểu 1).

Về sử dụng biện pháp tránh thai, kết quả Điều tra VNDHS 2002 cho thấy 60% nữ thanh niên đã kết hôn có sử dụng biện pháp tránh thai, đặc biệt sau khi sinh con đầu lòng. Trong khi đó, mức độ sử dụng tránh thai lại rất thấp trong nhóm thanh niên chưa kết hôn. Ngay cả khi trong quan hệ tình dục tiền hôn nhân, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai (bao gồm cả bao cao su) trong thanh niên là rất hạn chế. Kết quả Điều tra SAVY cho thấy trên 80% thanh niên 15-24 tuổi chưa lập gia đình đã không sử dụng biện pháp tránh thai nào khi có quan hệ tình dục (Biểu 2).

Biểu 2. Sử dụng các BPTT của thanh niên 15-24 tuổi, 2003

Hiểu biết sai lệch và quan niệm không đúng về biện pháp tránh thai là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hành vi không sử dụng tránh thai trong thanh niên hiện nay, ví dụ như có những quan niệm trong thanh niên cho rằng bao cao su chỉ dùng cho gái mại dâm hay người không đứng đắn, người không chung thủy hoặc dùng thuốc tránh thai sẽ gây ra vô sinh, v.v... (SAVY, 2004). Tình trạng có thai ngoài ý muốn dẫn đến nạo hút thai trước hôn nhân là khó tránh khỏi, gây ra những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thể chất và sự phát triển của thanh niên. Kết quả này phản ánh những thiên lệch trong công tác DS-KHHGD từ những năm trước, đã quá tập trung vào các cặp vợ chồng trong khi lại coi nhẹ việc tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ thân thiện cho thanh niên và những người chưa kết hôn.

Do mức sinh cao trong quá khứ nên trong những năm tới mặc dù tỷ suất sinh đã giảm song dân số trẻ, trong đó có thanh niên, vẫn tiếp tục tăng về quy mô do tác động của “xung lực dân số” (population momentum). Kỷ nguyên “dân số vàng” - một cơ hội quý báu đang đến với dân số Việt nam cũng sẽ đặt ra những thách thức mới cho việc đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực để có thể tận dụng tốt nhất những lợi thế mà lực lượng lao động trẻ và sung mãn đem lại. Cần có những chiến lược và chính sách đúng đắn trong việc đáp ứng tốt nhu cầu xã hội của thanh niên như học tập, việc làm, tư vấn nghề nghiệp, vui chơi giải trí, và chăm sóc sức khỏe cho thế hệ trẻ.

2.2. Việc làm và kỹ năng nghề nghiệp

Kết quả Điều tra Quốc gia SAVY cho thấy những băn khoăn và ước muốn của thế hệ trẻ Việt Nam đối với tương lai của mình. Hiện nay, mong muốn có được việc làm, kinh tế và thu nhập ổn định trở thành mối quan tâm và ưu tiên hàng đầu của thanh niên, tiếp đến là gia đình và hạnh phúc nói chung. Điều

đáng lưu ý là mong ước đóng góp cho xã hội, đất nước không phổ biến và giảm theo nhóm tuổi (SAVY, 2004: 82-83)

Mặc dù công cuộc Đổi mới đã đem lại nhiều thành tựu kinh tế-xã hội, song tốc độ tăng trưởng của Việt Nam trong 20 năm qua vẫn chưa đủ nhanh và mạnh để có thể tạo ra sự chuyển biến về chất lượng và số lượng việc làm. Ở một chừng mực nhất định, tình trạng thất nghiệp của lao động trẻ phản ánh tình hình thiếu việc làm nói chung và khả năng cạnh tranh còn kém của nền kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Quan niệm và thái độ đối với lao động của thanh niên ngày nay đã khác nhiều so với trước đây. Một công việc tốt không chỉ đồng nghĩa với thu nhập ổn định, mà cần đem lại một vị thế xã hội và cơ hội thăng tiến. Sự thay đổi trong định hướng nghề nghiệp đó có ảnh hưởng không nhỏ đối với phát triển thanh niên.

Kết quả khảo sát Mức sống hộ gia đình cho thấy thanh niên (15-24 tuổi) nhìn chung khó tìm được việc làm hơn so với người lớn (từ 25 tuổi trở lên). Trong tổng số người thất nghiệp ở Việt Nam, tỷ lệ thanh niên không có việc làm chiếm 45%. Xét trên tổng thể trên phạm vi cả nước, nguy cơ lao động trẻ bị thất nghiệp lớn gấp đôi so với nguy cơ này ở dân số trưởng thành (Đặng Nguyên Anh, Lê Bạch Dương và Nguyễn Thị Hải Vân, 2005). Số người trong độ tuổi lao động vẫn tiếp tục gia tăng đã tạo thêm một sức ép việc làm trong xã hội. Mỗi năm nền kinh tế nước ta cần tạo thêm 1,5 triệu việc làm mới vì hàng năm có khoảng 1,4 triệu thanh niên bước vào tuổi lao động cần việc làm. Con số này không bao gồm những người chưa tìm được việc và tồn đọng lại từ năm trước (ILO, 2002). Ngoài ra, một lực lượng không nhỏ thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về cũng cần việc làm và thu nhập.

Bảng 1 - Tỷ lệ không có việc làm phân theo nhóm tuổi và giới tính

Nhóm tuổi	Tổng số	Nam	Nữ
15-19	10.95	11.91	10.09
20-24	6.58	7.22	5.93
25-29	3.50	3.73	3.24
30-34	2.31	2.55	2.03
35-39	1.90	2.44	1.32
40-44	1.78	2.41	1.11
45-49	1.70	2.37	0.99
50-54	1.97	2.77	1.11
55-59	1.81	2.40	1.17
60+	2.28	2.43	2.09
Chung	3.96	4.37	3.51

Nguồn: TCTK, 2001

Số liệu Tổng Điều tra dân số 1999 (Bảng 1) cho thấy tỷ lệ không có việc làm cao tập trung trong dân số thanh niên 15-19 tuổi, tiếp theo là nhóm 20-24 tuổi. Tỷ lệ thất nghiệp cao ở nhóm 15-19 tuổi do đa phần thanh niên trong nhóm này vẫn

còn đang trong tuổi đi học, song những con số khá lớn còn phản ánh tình hình thời học và không có việc làm trong thanh niên hiện nay. Thất nghiệp và thiếu việc làm sẽ dẫn đến tình trạng nghiện hút, gây rối, mại dâm vì sau khi thời học hoặc rời ghế nhà trường nếu không có việc làm ổn định thì lao động trẻ sẽ phải tìm kiếm thu nhập để sinh sống, chủ yếu bằng các hoạt động gắn với tiêu cực xã hội.

Nhìn chung thanh niên nông thôn bước vào thị trường lao động sớm hơn với trình độ học vấn thấp hơn so với thanh niên thành thị. Tỷ lệ không có việc làm ở thành thị cao hơn nông thôn, phản ánh những khó khăn trong việc tìm việc làm phù hợp với chuyên môn và tay nghề của thanh niên thành phố. Số liệu Tổng Điều tra dân số cho thấy 9% thanh niên thành thị và 5,1% thanh niên nông thôn không có việc làm. (Bảng 2).

Bảng 2. Tình trạng việc làm của thanh niên theo khu vực (%)

Khu vực	Có việc làm	Nội trợ	Học sinh/Sinh viên	Không việc làm	Khác
Nông thôn	52,0	3,0	39,0	5,0	1,0
Thành thị	25,0	3,0	61,0	9,0	2,0

Trong bối cảnh bằng cấp vẫn được tôn thờ, chất lượng giáo dục đào tạo bị giảm sút nghiêm trọng, thì cốt lõi của vấn đề nằm chính ở số lượng và chất lượng việc làm dành cho lao động trẻ hiện nay. Khoảng hai phần ba (67%) thanh niên trong độ tuổi 15-24 đang lao động trong hộ kinh tế gia đình và tại các cơ sở kinh doanh có chất lượng thấp, việc làm thiếu, không đảm bảo an toàn lao động.

Nhiều thanh niên vừa rời ghế nhà trường đã phải làm những công việc lật vật với mức trả công thấp kém để phụ giúp cho bố mẹ, gia đình. Do thiếu tay nghề phù hợp và không được đào tạo tốt nên các em phải chấp nhận những công việc tạm thời, thu nhập thấp trên thị trường lao động. Nguyên vọng được học nghề trở nên xa vời. Rất ít trường hợp được nhận vào học tại các trường dạy nghề chính thức hay các chương trình dạy nghề dài hạn do những quy định về đầu vào hiện nay.

Cũng theo số liệu Tổng Điều tra dân số 1999, chỉ có 5% thanh niên người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề so với 21% thanh niên người Kinh. Đây là một thách thức lớn về chính sách hiện nay. Các doanh nghiệp đều ngại ngần không muốn tuyển dụng lao động trẻ chưa có mấy kinh nghiệm. Ở những nơi cần đến tay nghề, khâu tuyển dụng lại càng khó khăn hơn; cạnh tranh gay gắt khiến cho nhiều lao động trẻ bỏ tay không tìm được việc.

Công tác tư vấn hướng nghiệp hiện không phù hợp tiếp tục hạn chế khả năng tìm kiếm việc và lựa chọn nghề của lao động trẻ. Các em chịu nhiều thiệt thòi vì thiếu thông tin thị trường lao động, liên quan đến cả hai mặt cung và cầu. Tư vấn hướng nghiệp hầu như không phát huy được hiệu quả trên thực tế, mà tất cả đều dựa trên các quan hệ cá nhân và các kênh việc làm và học nghề không chính thức. Học sinh, sinh viên chọn ngành nghề để theo học bằng sự gợi ý và khả năng của gia đình, người thân chứ không dựa vào mối liên hệ mật thiết với các cơ sở tuyển dụng lao động, doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo. Có thể nói,

đây là một thách thức rất lớn đặt ra cho các chính sách, chương trình việc làm và đào tạo nghề cho thanh niên ở Việt Nam.

Trong khi mục tiêu phổ cập giáo dục và tăng số năm đi học là một ưu tiên trong chương trình quốc gia thì vẫn còn một số lớn thanh niên bỏ học và thôi học để tìm việc làm, đặc biệt là nữ thanh niên ở nông thôn. Đến tuổi 15-19, chỉ còn 44% dân số thanh niên đi học. Nếu theo địa bàn thì chỉ có 39% thanh niên ở nông thôn trong độ tuổi nói trên còn đang đi học so với 61% thanh niên ở đô thị. Bất bình đẳng giới và những thiệt thòi được thể hiện trong tình trạng thất học hoặc phải thôi học sớm hơn của trẻ em gái so với trẻ em trai. Dưới sức ép của nhu cầu sinh kế, hầu hết các em phải lao động và kiếm sống để hỗ trợ cho gia đình bởi nếu nghỉ học ở nhà mà không làm gì sẽ là gánh nặng cho cha mẹ. Các em có xu hướng di cư ra thành phố và làm việc trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ. Trẻ thôi học sớm để đi làm nhưng chưa được chuẩn bị để gia nhập thị trường lao động nên nhiều trường hợp rơi vào hoàn cảnh dễ bị tổn thương, dễ bị lạm dụng và xâm hại. Tình hình hiện nay cho thấy nhiều vấn đề đáng lo ngại. Do thiếu kỹ năng, không có tay nghề cần thiết, các em phải chấp nhận làm việc trong điều kiện bất lợi, thậm chí có hại đối với sức khoẻ tinh thần và thể chất. Khi sống và làm việc xa nhà, các em không được bảo vệ bởi hợp đồng lao động, không có bảo hiểm sức khoẻ cần thiết khi đau ốm.

2.3 Văn hoá thanh niên

Văn hoá thanh niên (*Youth Culture*) giữ một vị trí quan trọng trong nhiều xã hội (Strinati 1995; Andy 2000). Văn hoá thanh niên có những đặc thù riêng, gắn bó và bắt nguồn từ chính nhu cầu và lợi ích của thanh niên. Văn hoá thanh niên được phản ánh rõ nét qua mức độ thụ hưởng văn hoá mà thông qua đó thế hệ trẻ thể hiện lối sống của mình. Đó là những biểu hiện mang tính thích ứng, thay đổi nhanh, gây ấn tượng mạnh thông qua âm nhạc, thẩm mỹ, thời trang, phim ảnh, nghệ thuật, lối sống, và hành vi giao tiếp của thế hệ trẻ.

Đối với nước ta, ngày càng có nhiều nhóm thanh niên tiếp cận được các thông tin và văn hoá bên ngoài lãnh thổ quốc gia thông qua các kênh truyền thông như internet, phim ảnh, v.v... Đây là một lĩnh vực và hoạt động sống được thanh niên ở cả đô thị lẫn nông thôn ưa thích và coi trọng. Về mặt xã hội, xu hướng đó sẽ làm tăng niềm mong ước và kỳ vọng của lớp trẻ về một cuộc sống vật chất, một xã hội công nghệ và thông tin với mức sống cao. Nhiều nghiên cứu quốc tế đã cho thấy ảnh hưởng của gia tăng dân số, đô thị hoá đến các giá trị truyền thống và nhu cầu thụ hưởng văn hoá của thanh niên (Fornas & Bolin, 1995; Nilam, 1998). Bằng những tác động nhanh và linh hoạt của nó, văn hoá thanh niên đang chi phối sự thay đổi trong lối sống và định hướng sống của thế hệ trẻ. Thanh niên cũng có những kỳ vọng, giá trị riêng trong quá trình hoàn thiện và phát triển nhân cách, chịu sự ảnh hưởng của các giá trị xã hội hiện nay mà thanh niên đang trải nghiệm.

Có thể nói thanh niên Việt Nam đang hướng theo những giá trị văn hoá mới so với các thế hệ trước đây. Một trong những đặc trưng chủ yếu của thanh niên trong giai đoạn phát triển hiện nay là sự chuyển đổi trong định hướng giá trị. Sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, trong sự đan xen giữa những hệ giá trị truyền

thống và hiện đại, giữa cái cũ và cái mới, hệ quy chiếu của thanh niên (đặc biệt ở các thành phố lớn) đã có sự biến đổi mạnh mẽ. Những giá trị xã hội mà trước đây được thế hệ trẻ tôn thờ như tinh thần chịu đựng gian khổ, không đòi hỏi cá nhân, sống vì lợi ích tập thể, sống nặng nghĩa tình, đậm nét bình quân chủ nghĩa đã và đang được thay thế bằng những giá trị hưởng thụ vật chất, định hướng cho lợi ích cá nhân, tính ưa tự lập, năng động, hiệu quả, chấp nhận giàu-nghèo trong xã hội. Sự biến đổi trong định hướng giá trị của thanh niên nói trên là rất đáng lưu ý, bởi nó thể hiện sự vận động nội tại của bản thân thanh niên cũng như phản ánh những biến đổi trong hệ quy chiếu, trong nhu cầu và lợi ích trong xã hội Việt Nam ngày hôm nay.

Văn hoá thanh niên được tiếp nhận qua các kênh thông tin, thông qua đó thanh niên hình thành và phát triển hành vi và lối sống của mình. Việc tìm hiểu, xác định và đáp ứng nhu cầu văn hoá thanh niên vốn là lĩnh vực còn bị bỏ ngỏ, thậm chí buông lỏng, đòi hỏi một phương thức phát huy tác động tích cực hạn chế mặt tiêu cực bằng các giải pháp thiết thực, thay vì nhìn nhận và đánh giá thanh niên là “có vấn đề”. Hoài nghi và đánh giá sai lầm nhu cầu và năng lực văn hoá thanh niên sẽ dẫn đến sự trả giá. Một thế hệ trẻ được định hướng, được giáo dục, đào tạo và phát triển có nhân cách sẽ đáp ứng được những đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng đất nước.

Điều mà giới trẻ đang thiếu hiện nay chính là một phương pháp học để sống, để hoàn thiện mình, có khả năng vươn lên khi bị vấp ngã, định hướng tương lai. Đây là vấn đề bức xúc về giá trị cuộc sống của thanh niên hôm nay. Hầu hết sách giáo khoa trong trường học được biên soạn rất hay về nội dung và phương pháp diễn đạt song cái thiếu nhất là thiếu hướng dẫn cho các em học sinh thực hiện và áp dụng các kiến thức học được trong cuộc sống. Nội dung của chương trình giáo dục, đặc biệt ở các cấp học phổ thông hiện nay đã thể hiện quá đầy đủ về mặt trí lực, thậm chí quá tải về kiến thức, song các phẩm chất khác thì mờ nhạt, thậm chí không có điều kiện để các em thể hiện ở những nội dung như kỹ năng sống, kỹ năng trình bày rất cần thiết cho một thế giới hiện đại. Nhạy bén, sáng tạo, bản lĩnh, có khả năng giao tiếp là những kỹ năng còn rất thiếu đối với thanh thiếu niên hiện nay. Rất tiếc rằng nhà trường chỉ chú trọng việc học chữ, ngoài xã hội không dạy, bổ sung, gia đình thì chỉ chú trọng việc chăm sóc nuôi dưỡng. Suy cho cùng, sự thiếu hụt các nội dung này là hệ quả của một hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học ở nước ta cho đến nay đã không dành thời gian, bố trí điều kiện thực hành và rèn luyện kỹ năng sống - một phương thức phát triển thanh niên từ chiều cạnh văn hoá - giáo dục.

3. Một số gợi ý về định hướng chính sách

Thế hệ trẻ Việt Nam ngày hôm nay đang sống, học tập và làm việc với một số lượng đông đảo nhất trong lịch sử, điều này đòi hỏi sự quan tâm hiệu quả hơn về mặt chính sách. Tuy nhiên, điểm mấu chốt về chính sách là làm sao bảo đảm được việc làm đàng hoàng, có tay nghề và thu nhập ổn định cho thế hệ trẻ, gắn với mục tiêu rộng lớn hơn về phát triển thanh niên. Đông hơn, nhiều hơn về số lượng song thanh niên hôm nay cũng vào đời sớm hơn, trưởng thành sớm hơn, đồng thời đối mặt với nhiều thách thức hơn trong một xã hội đang chuyển đổi với những xung

đột về giá trị và chuẩn mực cũ và mới. Học nhiều hơn, học cao hơn nhưng các em cũng mất cân bằng hơn do thiếu việc làm và những kỹ năng sống phù hợp. Trong điều kiện vật chất đầy đủ hơn và mức sống được cải thiện hơn, nhu cầu văn hoá tinh thần và vui chơi giải trí của thanh niên chưa được đáp ứng.

Một số khuyến nghị cụ thể được đề xuất dưới đây nhằm góp phần định hướng chính sách phát triển thanh niên, phát huy năng lực và nâng cao tính tích cực xã hội của thanh niên trong giai đoạn hiện nay:

- Với quy mô dân số ngày càng gia tăng, đặc biệt trong những năm tới, thanh niên - những chủ nhân tương lai của dân tộc - phải là một trong những đối tượng cần được ưu tiên hàng đầu trong các chính sách kinh tế, xã hội và văn hoá của quốc gia. Mục tiêu phát triển thanh niên cần được lồng ghép trong các chương trình tạo việc làm, tăng thu nhập, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho thế hệ trẻ và phải được quan tâm trong các chính sách giáo dục, việc làm. Đây phải là những điểm nhấn trong nội dung cải cách giáo dục và dạy nghề ở nước ta.

- Do cơ cấu và phân bố dân số thanh niên không đồng đều theo các vùng lãnh thổ, các chương trình dự án phát triển cho thanh niên cần tránh đầu tư dàn trải như hiện nay. Nên tập trung vào các địa bàn có quy mô và tỷ trọng thanh niên lớn (như Đồng bằng sông Cửu long). Cần có hệ số ưu tiên cho các địa bàn này trong phân bổ ngân sách chương trình, dự án. Đặc biệt ưu tiên những vùng miền mà hệ thống thông tin-văn hoá còn yếu kém (vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, biên giới và hải đảo). Hơn nữa, việc đầu tư phân bổ xây dựng kế hoạch ngân sách cho thanh niên cần tính đến yếu tố di dân (mà nhiều khi số liệu thống kê chính thức không phản ánh và cập nhật được). Những trung tâm đô thị, những thành phố lớn, nơi tiếp nhận các luồng nhập cư trẻ đến làm ăn, học tập đòi hỏi việc xem xét điều chỉnh trong kế hoạch ngân sách nhằm đảm bảo được sự cân đối và đáp ứng được nhu cầu của thanh niên.

- Để cải thiện vấn đề việc làm cho thanh niên Việt Nam, trước hết cần tăng cường sự liên kết vĩ mô giữa hệ thống giáo dục-đào tạo với thị trường lao động. Học vấn và bằng cấp chỉ là phương tiện để đi tới đích chứ bản thân nó không phải là mục tiêu cuối cùng của thanh niên. Điều quan trọng là cần cải thiện chất lượng của hệ thống giáo dục cũng như thay đổi, điều chỉnh lại chương trình học ở các cấp trong nhà trường, ở các cơ sở dạy nghề sao cho phù hợp với nhu cầu kỹ năng và kinh nghiệm làm việc mà các nhà tuyển dụng đòi hỏi cũng như đáp ứng được tính cạnh tranh của lao động trẻ trong quá trình hội nhập. Để kiếm được việc, thanh niên cần có những kỹ năng nghề nghiệp mới, phù hợp và áp dụng được trên thị trường lao động luôn thay đổi. Để giải quyết được vấn đề đó, trước hết cần nâng cao năng lực tư vấn việc làm và cải thiện mối liên kết giữa giáo dục dạy nghề với nhu cầu của thị trường lao động. Cần có những thông điệp hiệu quả với thông tin và định hướng tốt hơn nữa cho thanh niên và các bậc cha mẹ nhằm thay đổi nhận thức hiện nay về giáo dục và dạy nghề.

- Do sự đa dạng về đặc điểm và trong cơ cấu nhóm, không thể áp dụng một chính sách chung cho tất cả mọi đối tượng như vẫn làm từ trước đến nay, đặc biệt trong vấn đề tạo việc làm và học tập cho thanh niên. Cần có những chính

sách đặc thù mà trước hết là ưu tiên nữ thanh niên, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới. So với nam thanh niên, nhu cầu việc làm và thụ hưởng văn hoá của nữ thanh niên còn có nhiều thiệt thòi (đặc biệt ở nông thôn). Việc chú trọng đầu tư, tạo cơ hội và điều kiện phát triển cho nữ thanh niên, giảm bớt sự chênh lệch thiệt thòi của các em về thông tin, phát triển văn hoá, giáo dục, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới ngay từ bây giờ trong thế hệ trẻ là rất cần thiết.

• Văn hoá là thành tố quan trọng của phát triển kinh tế. Sự phát triển kinh tế bền vững đòi hỏi sự bền vững trong phát triển văn hoá và xã hội. Đời sống của con người không thể coi là khấm khá lên nếu thiếu một nền tảng văn hoá tốt đẹp. Là một nhóm nhân khẩu - xã hội đặc thù, thanh niên chịu tác động trên mọi phương diện của môi trường văn hoá. Làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội và trong sạch môi trường sống cho thanh niên để có thể phát huy và nâng cao năng lực của thế hệ trẻ đáp ứng được đòi hỏi phát triển của đất nước, hướng tới xây dựng một bản sắc văn hoá của thanh niên và thế hệ trẻ Việt Nam(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3/2007.

Tài liệu tham khảo

1. Andy, F. 2000. "Youth in a changing world." *International Social Science Journal*. No. 164, June 2000.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2004. *Lao động và việc làm: 1996-2003*. Trung tâm thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
3. Fornas, J. & Bolin. 1995 (eds.). *Youth Culture in Late Modernity*. Sage Publication: London.
4. ILO (International Labor Organization). 2002. *Việc làm thanh niên Việt Nam: thực trạng và giải pháp*. Báo cáo trình bày tại Hội nghị khu vực 3 bên ILO/Nhật Bản về việc làm Thanh niên khu vực châu Á - Thái Bình Dương, 27/2-1/3/2002, Băng Cốc, Thái Lan.
5. Nilam, Pam. 1998. *Globalising Influences and Youth People in Vietnam*. Báo cáo trình bày tại Hội nghị Việt Nam học, tháng 7-1998 tại Hà Nội.
6. Pachauri, Saroj. 1998. *Adolescents in Asia: Issues and Challenges*. *Demography India*, 27(1): 117-128.
7. SAVY (Điều tra Quốc gia Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam). 2004. *Dự thảo báo cáo*. Bộ Y tế và Tổ chức Y tế Thế giới, Hà Nội.
8. Strinati, D. 1995. *An Introduction to Theories of Popular Culture*. Routledge: London and New York.
9. TCTK (Tổng cục Thống kê). 2001. *Việt Nam - Tổng Điều tra dân số và Nhà ở 1999: Kết quả điều tra mẫu*. Ban chỉ đạo tổng điều tra Dân số và Nhà ở. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. TCTK (Tổng cục Thống kê). 2001. *Số liệu mẫu 3% Tổng Điều tra dân số và Nhà ở 1999*. Vụ Thống kê Dân số và Lao động. TCTK, Hà Nội.
11. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. 2003. "Định hướng mục tiêu và giải pháp của chiến lược bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em" Tạp chí *Khoa học Dân số, Gia đình và Trẻ em*. Số 1, tháng 5-2003.
12. Wyn, J. & White, R. 1996. *Rethinking Youth*. Allen & Unwin: Sidney.